

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **21/2021/DS-ST**

Ngày: 28/9/2021

“V/v Tranh chấp đòi lại T sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hưng Quang

Bà Thái Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến - Thư ký Tòa án huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa
Cha – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2020/TLST-DS ngày 12/3/2021 về
việc “Tranh chấp đòi lại T sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
36/2021/QĐST-DS, ngày 24/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số:
39/2021/QĐDS-ST ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Ngô H** – sinh năm 1954

Địa chỉ: khu phố 01, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

Bị đơn: ông **Diệp T** – sinh năm 1954

Bà **Nguyễn Th** – sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: khu phố 01, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

(Có mặt nguyên đơn, bị đơn bà Th, vắng mặt bị đơn ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2021, lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà
Ngô H trình bày:

Vào ngày 11/01/2004 bà Nguyễn Th có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng,
hai bên có viết giấy tay. Ngày 07/7/2004 bà Th tiếp tục vay thêm 40.000.000 đồng,
hai bên có viết giấy tay, tổng cộng bà Th vay của bà 50.000.000 đồng (Năm mươi
triệu đồng), hình thức trả lãi hàng tháng, lãi suất bao nhiêu phần trăm thì bà không
nhớ. Sau khi vay thì bà Th trả lãi cho bà chỉ được vài tháng thì không trả lãi nữa và
hẹn đến tháng 01/2007 thì sẽ trả dần tiền gốc cho bà. Sau đó bà Th trả dần cho bà
được 23.000.000 đồng, còn nợ lại 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng),

ngày 09/7/2009 bà Nguyễn Th và ông Diệp T có viết giấy hẹn nợ, hẹn khi nào bán T sản sẽ tiếp tục trả cho bà.

Ngày 24/8/2009 ông Diệp T chồng bà Th có vay của bà 12.000.000 đồng, hình thức góp hàng tháng, ông T góp được 8.300.000 đồng, còn nợ lại 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

Năm 2011 bà Th tiếp tục trả dần tiền gốc cho bà được 2.100.000 đồng, còn nợ lại bà số tiền 24.900.000 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm ngàn đồng).

Tổng cộng hiện nay bà Nguyễn Th và ông Diệp T còn nợ bà số tiền 28.600.000 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

Do khi bà làm đơn khởi kiện không tìm được giấy tờ, chỉ tìm được tờ giấy hẹn trả số nợ 27.000.000 đồng có chữ ký của bà Th và ông T nên bà chỉ làm đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền 27.000.000 đồng.

Tại Tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng ông Diệp T và bà Nguyễn Th phải trả cho bà số tiền gốc 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Theo biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Th trình bày: Vào ngày 11.01.2004 bà có vay của bà Ngô H số tiền 10.000.000 đồng, tiếp đến ngày 07.7.2004 bà vay thêm 40.000.000 đồng, mục đích vay để làm hồ tôm, hàng tháng bà trả lãi cho bà H đầy đủ. Sau khi vay xong bà trả cho bà H được 23.000.000 đồng, còn nợ 27.000.000 đồng. Năm 2009 bà viết giấy hẹn nợ có chồng bà ông Diệp T ký tên và hẹn sẽ trả dần hàng tháng. Năm 2011 sau khi bán hồ tôm, bà đã góp cho bà H hàng tháng, do thời gian lâu quá nên bà không nhớ góp hàng tháng cho bà H bao nhiêu tiền. Năm 2012 bà không thấy bà H đến nhà bà lấy tiền góp nữa nên bà nghĩ là bà đã góp hết nợ cho bà H, do đó bà không đồng ý trả số nợ 27.000.000 đồng cho bà H. Đối với số nợ chồng bà ông Diệp T vay của bà H chồng bà thừa nhận còn nợ lại bà H hơn 3.000.000 đồng tiền lãi.

Theo biên bản ghi lời khai ông Diệp T trình bày: Việc vay nợ giữa vợ ông bà Nguyễn Th và bà Ngô H là việc của phụ nữ, ông không liên quan gì đến số nợ trên, bà Th có trả đủ hay thiếu thì ông không biết.

Theo biên bản xác minh tại khu phố 01, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận thì bà Nguyễn Th và ông Diệp T có hộ khẩu tại khu phố 01, thị trấn P, huyện T. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho ông Diệp T theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Bà Ngô H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: bị đơn bà Nguyễn Th đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt không có lý do tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa ngày 10/9/2021, tại phiên tòa hôm nay ông Diệp T tiếp tục vắng mặt không có lý do nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn ông T là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Th và ông Diệp T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô H số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Th và ông Diệp T có nơi cư trú tại: khu phố 01, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Th và ông Diệp T trả số tiền 27.000.000 đồng từ năm 2011 nên xác định đây là vụ kiện “Tranh chấp đòi lại T sản” quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đây là quan hệ tranh chấp về kiện đòi lại T sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn ông Diệp T vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/9/2021, tại phiên tòa hôm nay ông Diệp T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn ông T theo quy định của pháp luật;

[2] Về nội dung vụ án: tại phiên tòa bà Ngô H yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Th và ông Diệp T phải trả số tiền vay còn nợ là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

T liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án:

Giấy vay tiền ngày 11/01/2004 có chữ ký của bà Ngô H và bà Nguyễn Th;

Giấy vay tiền ngày 07/7/2004 có chữ ký của bà Ngô H và bà Nguyễn Th;

Giấy vay vốn ngày 24/8/2009 có chữ ký của bà Ngô H và ông Diệp T;
Giấy hẹn nợ ngày 09/7/2009 có chữ ký của ông Diệp T và bà Nguyễn Th (bản photo);

01 tờ giấy trả nợ hàng tháng ghi “Tám T” “đến cuối năm 2014 (ÂL) còn thiếu 3.700.000 (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng);

02 tờ giấy trả nợ hàng tháng ghi “Thu Th” “còn thiếu lại 24.900.000”;

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đã được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận thấy bà Nguyễn Th và ông Diệp T có vay nợ của bà Ngô H.

Việc này phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như giấy nợ, giấy thừa nhận nợ và phù hợp với lời khai của bị đơn bà Nguyễn Th thừa nhận có vay tiền của bà H 02 lần với số tiền 50.000.000 đồng.

Bà Th cho rằng đã trả hết nợ cho bà H nhưng không đưa ra chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả hết nợ. Mặt khác bà Th khai bà “nghĩ” là đã trả hết nợ do bà H không đến thu nợ, như vậy bà Th không khẳng định được việc bà có trả hết nợ cho bà H hay chưa.

Đối với số nợ ông Diệp T vay của bà H tuy không có sự thừa nhận từ phía ông T nhưng tại phiên tòa bà Th khai chồng bà ông T thừa nhận còn nợ bà H hơn 3.000.000 đồng là phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các bên, hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Th và ông Diệp T đều tham gia vay tiền của bà Ngô H, tuy mỗi người tham gia mỗi giao dịch khác nhau, nhưng bà Th và ông T là vợ chồng hợp pháp và việc vay mượn đều phục vụ cho mục đích chung của gia đình, do đó bà Th và ông T phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định bà Nguyễn Th và ông Diệp T có nợ tiền của bà Ngô H nhưng không thực hiện việc thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó bà Ngô H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Th và ông Diệp T phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng), là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Do đây là tranh chấp đòi lại T sản và nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về phần án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bị đơn được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2, 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô H.
2. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Th và ông Diệp T phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô H số tiền **27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng)**.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: vợ chồng bà Nguyễn Th và ông Diệp T thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Ngô H thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn bà Th, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2021).

Bị đơn ông T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Mỹ Kỳ